

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST
Ngày 19-3-2021
V/v tranh chấp xác định con cho cha

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Phùng

Bà Đặng Thị Đới

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 N 2021 về “Tranh chấp xác định con cho cha” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 N 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn N, sinh N 1971; nơi cư trú: Thôn L (nay là Thôn 7), xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Bà Đoàn Thị M, sinh N 1972; nơi cư trú: Thôn L (nay là Thôn L 2), xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 01 N 2021 và các lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Lê Văn N trình bày: Ông tự nguyện chung sống với bà Đoàn Thị M từ đầu N 1993, có tổ chức cưới, sống công khai nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, ông bà xảy ra mâu thuẫn, nên tháng 7 N 1993 bà M bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn L, xã T, huyện K sinh sống (khi bà M đang mang thai). Do tình cảm 02 người không còn, nên thời gian đầu ông

không liên lạc với bà M, sau đó ông liên lạc thì biết bà M đã sinh con gái vào ngày 01/10/1993 đặt tên là Nguyễn Thị Thanh N1; ông xác định đó là con chung của ông và bà M; mặc dù trong giấy khai sinh của chị N1 thể hiện tên cha là Nguyễn Văn L (không phải tên ông), ông bức tức nhưng không biết xử lý thế nào cho phù hợp, nhưng ông vẫn quý mến và đối xử với chị N1 đúng tình cảm bố con, ngược lại chị N1 cũng vậy. Nay ông thấy cần thiết xác định rõ ông là bố đẻ của chị N1 được thể hiện trên giấy tờ theo quy định của Nhà nước, nên ông đã làm thủ tục đề nghị xét nghiệm AND tại Viện công nghệ AND và phân tích di truyền, đã kết luận ông và chị Nguyễn Thị Thanh N1 có quan hệ huyết thống bố - con. Để đảm bảo quyền được làm cha đối với chị N1 và quyền lợi của chị N1 được đảm bảo theo quy định của pháp luật, ông yêu cầu Tòa án xác định chị Nguyễn Thị Thanh N1 do bà M sinh ra ngày 01/10/1993 và đã được đăng ký khai sinh ngày 22/5/1996 tại Ủy ban nhân dân xã T là con đẻ của ông.

Tại bản khai ngày 01 tháng 02 N 2021 bị đơn Đoàn Thị M trình bày thống nhất với ông N về toàn bộ nội dung sự việc. Ngoài ra bà khai: Ngày 01/10/1993 bà nhờ chị gái là bà Đoàn Thị H đưa đến Bệnh viện huyện K để sinh con, Y tá Bệnh viện yêu cầu bà khai thông tin trong giấy chứng sinh cho con gái, do sức khỏe yếu, bà đã nhờ bà H đi khai và chỉ nói với bà H về thông tin dự định đặt tên cho con gái là Thanh N1, mà không nhắc đến họ tên bố của đứa trẻ. Khi trở về nhà, bà phát hiện thông tin người bố trong giấy chứng sinh của con gái có ghi “Nguyễn Văn L”, không phải là “Lê Văn N”, nhưng do kém hiểu biết nên bà cứ để nguyên. Ngày 22/5/1996 bà đến Ủy ban nhân dân xã T đăng ký khai sinh cho con, đặt tên là Nguyễn Thị Thanh N1 và tự khai họ tên cha chị N1 là Nguyễn Văn L 24 tuổi, có nơi thường trú thôn L, xã T, huyện K; tuy nhiên trên thực tế không có ông Nguyễn Văn L như trên tại thôn L, xã T. N 1996 bà tự nguyện chung sống với ông Đỗ Văn Đ người ở xã Tiên Minh, huyện Tiên Lãng tại gia đình bà; chị N1 vẫn chung sống cùng bà với ông Đ. Ngày 26/02/1997 bà sinh con trai Đỗ Văn Viết là con chung của bà với ông Đ. Sau đó bà kê khai hộ khẩu chị N1 cùng chung hộ khẩu của bà với ông Đ và anh Viết, do ông Đ chủ hộ; tuy nhiên các thành viên trong gia đình bà đều biết chị N1 là con đẻ của ông N và thực tế chị N1 với ông N vẫn quan tâm, quý mến nhau vì tình cảm cha con. Nay ông N yêu cầu xác định chị Nguyễn Thị Thanh N1 do bà sinh ra ngày 01/10/1993 là con của ông N; bà đồng ý. Đề nghị Tòa án chấp nhận.

Tại phiên tòa, ông N giữ nguyên toàn bộ nội dung yêu cầu nêu trên. Bà M giữ nguyên nội dung đã trình bày và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông N. Cả hai ông bà đều đề nghị Hội đồng xét xử xác định chị Nguyễn Thị Thanh N1, do bà M sinh ra ngày 01/10/1993 và đã được đăng ký khai sinh ngày 22/5/1996 tại Ủy ban nhân dân xã T là con đẻ của ông N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 4 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 89, Điều 91, Điều 101, Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 N 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn N, xác định chị Nguyễn Thị Thanh N1 do bà Đoàn Thị M sinh ra ngày 01/10/1993 và đã được đăng ký khai sinh ngày 22/5/1996 tại Ủy ban nhân dân xã T là con đẻ của ông Lê Văn N.

Về án phí: Ông N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại ông N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Trong vụ án này, Giấy khai sinh của chị Nguyễn Thị Thanh N1 đăng ký khai sinh ngày 22/5/1996 tại Ủy ban nhân dân xã T thể hiện người cha là Nguyễn Văn L 24 tuổi, có nơi thường trú thôn L, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nên khi thụ lý vụ án, Tòa án đã xác định ông Nguyễn Văn L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, nhưng qua xác minh thu thập chứng cứ không có người nào tên Nguyễn Văn L 24 tuổi vào thời gian N 1996 như giấy khai sinh của chị N1, phù hợp với lời khai của các đương sự. Đối với ông Đỗ Văn Đ là người có tên trong hộ khẩu quan hệ với bà M là chồng, nhưng bà M và ông Đ chung sống với nhau từ N 1996 (sau khi sinh ra chị N1 03 N); mặt khác ông Đ xác định, chị N1 không phải là con đẻ của ông, nên ông từ chối tham gia tố tụng và không có quyền lợi gì liên quan đến chị N1. Nên Hội đồng xét xử xác định không còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là “tranh chấp về xác định con cho cha” theo quy định tại khoản 4 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bà M (bị đơn) cư trú tại thôn L (nay là thôn L 2), xã T, huyện K; căn cứ

Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

- Về nội dung:

[3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn: Ông N và bà M đều xác định chị Nguyễn Thị Thanh N1 do bà M sinh ra ngày 01/10/1993 là con đẻ của ông N. Tại Kết quả xét nghiệm ADN số 101.GL/20/ADN ngày 11/8/2020 của Viện Công nghệ ADN và phân tích di truyền kết luận: Ông Lê Văn N và chị Nguyễn Thị Thanh N1 có quan hệ huyết thống trực hệ bố – con. Như vậy, lời trình bày của ông N, bà M phù hợp với nhau và phù hợp với Kết quả xét nghiệm ADN số 101 ngày 11/8/2020 của Viện Công nghệ ADN và phân tích di truyền, nên đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông N đề nghị xác định chị Nguyễn Thị Thanh N1 do bà M sinh ra ngày 01/10/1993 là con đẻ của ông N, phù hợp với Điều 89, 91 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của ông N được chấp nhận, nên ông N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm mà bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào khoản 1 Điều 89; Điều 91; khoản 2 Điều 101; Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N:

1. Xác định chị Nguyễn Thị Thanh N1, sinh ngày 01/10/1993 đã được đăng ký khai sinh ngày 22/5/1996 tại Ủy ban nhân dân xã T là con đẻ của ông Lê Văn N.

2. Về án phí: Ông Lê Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại ông Lê Văn N số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0009047 ngày 20/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Bà Đoàn Thị M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông N, bà M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã T;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Diệu